

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ
VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/KDTM-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2024/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2024/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH một thành viên P; địa chỉ: Tầng A, tầng A và tầng 11, Tòa nhà Hanoi T, số B N, phường L, quận H, Thành Phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh V; địa chỉ: Số F đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 14/12/2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: 2 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1983

2. Bà Đinh Thúy L, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số E Q, khu phố B, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông V đại diện nguyên đơn có mặt, ông D có mặt khi xét xử và vắng mặt khi tuyên án. Công ty TNHH T, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2023, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TNHH MTV P Chi nhánh G (gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết hợp Hợp đồng tín dụng số GVP/000289/22 ngày 22/9/2022 để cho Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) vay số tiền 28.000.000.000 đồng. Mục đích vay là để tài trợ tiền mua hàng hóa nguyên vật liệu trong nước/nhập khẩu, bổ sung vốn lưu động kinh doanh cùng lương và các chi phí hoạt động của khách hàng.

Để bảo lãnh cho khoản vay trên, ông Nguyễn Hữu D và bà Đinh Thúy L đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 561, tờ bản đồ số 37, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DG 818053 Số vào sổ cấp GCN số CS 14075 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H cấp ngày 06/09/2022.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T theo các khế ước nhận sau:

- Khế ước số 370-552-00-20853, ngày giải ngân 23/9/2022, số tiền giải ngân 24.000.000.000 đồng, ngày thanh toán 23/3/2023, lãi suất 9%/năm;
- Khế ước số 370-752-00-20860, ngày giải ngân 26/9/2022, số tiền giải ngân 4.000.000.000 đồng, ngày thanh toán 26/3/2023, lãi suất 9%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 20/02/2023.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tính đến ngày 11/6/2024 là 33.323.288.586 đồng, trong đó nợ gốc là 28.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.563.552.084 đồng, lãi quá hạn là 1.545.041.095 đồng, lãi chậm trả lãi là 214.695.407 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

Hiện nay Ngân hàng đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tài sản thế chấp. Sau khi bị đơn trả hết số nợ trên thì Ngân hàng sẽ trả lại bản chính giấy tờ trên cho ông **D**, bà **L**.

Công ty T là bị đơn và bà **L** là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng **Công ty T**, bà **L** không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của **Công ty T**, bà **L** về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại bản tự khai ngày 24/11/2023 ông **Nguyễn Hữu D** là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Vào ngày 22/9/2022 ông và vợ ông có thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DG 818053 Sổ vào sổ cấp GCN số CS 14075 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H** cấp ngày 06/09/2022 để bảo đảm cho khoản vay của **Công ty T**.

Nay **Công ty T** làm ăn thua lỗ đi đến mất khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Ông với trách nhiệm là người bảo lãnh tài sản để đảm bảo khoản vay của Công ty ông có ý kiến như sau:

- Mong muốn phía Ngân hàng hỗ trợ cùng nhau tìm hướng xử lý và tháo gỡ cho phía Công ty và người bảo đảm tài sản sao cho có lợi cho các bên liên quan;
- Do tình hình kinh tế hiện nay rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng giảm và miễn (gốc và lãi) cho Công ty nếu tài sản không đủ để thanh toán cho Ngân hàng.
- Ông sẽ tìm mọi cách bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.
- Nếu có khách mua tài sản thì ông sẽ thông báo cho Ngân hàng để cùng nhau thương lượng, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng, ông **D** đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. **Công ty T**, bà **L** chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tranh chấp này phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Theo thỏa thuận tại Phụ lục thỏa thuận cấp tín dụng ngày 26/9/2022 các bên thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Xét việc các bên tự nguyện thỏa thuận Tòa án nhân dân quận Gò Vấp nơi nguyên đơn có chi nhánh và là nơi thực hiện hợp đồng giải quyết tranh chấp là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Công ty T và bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T và bà L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số GVP/000289/22 ngày 22/9/2022 thể hiện Công ty T và Ngân hàng có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Công ty T với số tiền là 28.000.000.000 đồng. Mục đích vay là để tài trợ tiền mua hàng hóa nguyên vật liệu trong nước/nhập khẩu, bổ sung vốn lưu động kinh doanh cùng lương và các chi phí hoạt động của khách hàng.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T theo các khế ước như sau:

- Khế ước số 370-552-00-20853, ngày giải ngân 23/9/2022, số tiền giải ngân 24.000.000.000 đồng, ngày thanh toán 23/3/2023, lãi suất 9%/năm;

- Khế ước số 370-752-00-20860, ngày giải ngân 26/9/2022, số tiền giải ngân 4.000.000.000 đồng, ngày thanh toán 26/3/2023, lãi suất 9%/năm.

Việc xác lập giao dịch tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty T là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty T chỉ thanh toán cho Ngân hàng đến tháng 02/2023 rồi ngưng không thanh toán. Như vậy Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng và Giấy cam kết thanh toán tiền ngày 23/9/2022 và ngày 26/9/2022.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 11/6/2024 là 33.323.288.586 đồng, trong đó nợ gốc là 28.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.563.552.084 đồng, lãi quá hạn là 1.545.041.095 đồng, lãi chậm trả lãi là 214.695.407 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về thời hạn thanh toán: Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty T trả số tiền trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 466 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 12/6/2024 Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty T phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.3] Xét yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp ngày 22/9/2022 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc B, số công chứng: 012128, quyển số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/09/2022 thì ông D, bà L đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 561, tờ bản đồ số 37, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 818053 Số vào sổ cấp GCN số CS 14075 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H cấp ngày 06/09/2022 thuộc quyền sử dụng của mình để bảo lãnh cho khoản vay trên của Công ty T tại Ngân hàng.

Tại Điều 5 Hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2023 thì tài sản thế chấp có thay đổi hiện trạng so với thời điểm thế chấp và so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phát sinh một nhà tạm gồm 07 cọc bằng thép, có lợp mái bằng tôn, không có người cư trú.

Theo kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH H2 thì giá trị của các tài sản gắn liền trên đất là:

- Công trình tạm - cột sắt, mái tôn (5mx5m) có giá trị là 16.215.752 đồng

- Công trình tạm - cột sắt, mái che tạm (4mx4m) có giá trị là 6.135.370 đồng

- Công trình tạm - cột sắt, mái che tạm (1,5mx1,5m) có giá trị là 862.786 đồng

Tổng cộng giá trị ước tính của tài sản làm tròn là 23.214.000 đồng.

Xét yêu cầu phát mại các tài sản gắn liền trên đất, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận “Bên thế chấp đồng ý thế chấp toàn bộ cho Ngân hàng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 561, tờ bản đồ số 37, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Do đó, nguyên đơn yêu phát mại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Bản vẽ hiện trạng ngày 07/10/2023 của Công ty TNHH S, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2023 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 818053 Số vào sổ cấp GCN số CS 14075 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H cấp ngày 06/09/2022 trong trường hợp nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 335 và Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi Công ty T thanh toán hết số tiền nêu trên thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất liên quan đến tài sản thế chấp trên cho ông D, bà L.

[3]. Về chi phí tố tụng khác:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và thẩm định giá tổng cộng là 38.700.000 đồng theo quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 141.323.289 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông **D** vắng mặt khi tuyên án, **Công ty T**, bà **L** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b, g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 299, Điều 335, Điều 342, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc **Công ty TNHH T** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TNHH một thành viên P** số tiền nợ tính đến ngày 11/6/2024 là 33.323.288.586 đồng, trong đó nợ gốc là 28.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.563.552.084 đồng, lãi quá hạn là 1.545.041.095 đồng, lãi chậm trả lãi là 214.695.407 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 12/6/2024 **Công ty TNHH T** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà **Công ty TNHH T** phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đến hạn trả nợ nêu trên mà **Công ty TNHH T** không trả thì **Ngân hàng TNHH một thành viên P** được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 561, tờ bản đồ số 37, **phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Bản vẽ hiện trạng ngày 07/10/2023 của **Công ty TNHH S**, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2023 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

DG 818053, vào sổ cấp GCN số CS 14075 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H** cấp ngày 06/09/2022 để thu hồi nợ.

1.2. Sau khi **Công ty TNHH T** thanh toán hết số tiền nêu trên thì **Ngân hàng TNHH một thành viên P** có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất liên quan đến tài sản thế chấp trên cho ông **Nguyễn Hữu D** và bà **Đinh Thúy L**.

1.3. **Công ty TNHH T** có trách nhiệm hoàn lại cho **Ngân hàng TNHH một thành viên P** chi phí tổ tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và thẩm định giá tổng cộng là 38.700.000 đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- **Công ty TNHH T** phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 141.323.289 đồng.

- **Ngân hàng TNHH một thành viên P** không phải chịu án phí. **H** lại cho **Ngân hàng TNHH một thành viên P** số tiền tạm nộp án phí là 68.688.343 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0012146 ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông **D** vắng mặt khi tuyên án, **Công ty T**, bà **L** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Nguyễn Hà Hải

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Nguyễn Hà H1